

Bản án số: 57/2022/HS-PT.
Ngày: 12-7-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng;
Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 12-7-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 40/2022/TLPT-HS, ngày 26 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M, Trương K và Trần Thị KH do có kháng cáo các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M, Trương K và Trần Thị KH đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 14-3-2022 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1983; Nơi sinh: Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Kim T; Có vợ là Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1986 và 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2009, người con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21-8-2020 đến ngày 17-3-2021 cho bảo lãnh tại ngoại; Sau đó tạm giam từ ngày 20-9-2021 đến ngày 11-01-2022 cho bảo lãnh tại ngoại và cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; (có mặt)

2. **Châu Ngọc M**, sinh ngày 07-11-1964; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm D, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Ngọc N và bà Võ Thị P; Có vợ là Huỳnh Thị L, sinh năm 1969 và 02 người con, người con lớn nhất sinh năm 1996, người con

nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-8-2020 cho đến nay; (có mặt)

3. **Trương K**, sinh năm 1948; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không có (Già yếu); Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương L và bà Lâm Thị C; Có vợ là Trần Thị KH, sinh năm 1955 và 06 người con, người con lớn nhất sinh năm 1981, người con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23-12-2021 cho đến nay; (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

4. **Trần Thị KH**, sinh năm 1955; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K; Có chồng là Trương K, sinh năm 1948 và 06 người con, người con lớn nhất sinh năm 1981, người con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23-12-2021 cho đến nay; (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương K và Trần Thị KH: Ông Bạch Sỹ C-* luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Các bị cáo không có kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo:*

1. Trương N, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2. Huỳnh Thị T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

3. Vương Thị Vũ TH, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Thạch Trung T1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Khóm 1, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2. Kỷ Liêu Minh Q, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khóm 1, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

3. Trần Hữu D, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp Prey Chóp, xã Lai Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

4. Nguyễn Vũ C, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Khóm Tân Qui, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

5. Phan Quốc K1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

6. Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Võ Thanh U, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Khóm VT, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, các bị cáo Vương Thị Vũ TH cùng chồng là Trương V (đã chết) và các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T đưa cho bị cáo Châu Ngọc M 01 tờ “Nghị định cấp quyền sở hữu cho bà Lâm Thị C do chính quyền chế độ Việt Nam Cộng Hòa cấp năm 1966” để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T và Vương Thị Vũ TH hứa hẹn với bị cáo Châu Ngọc M nếu làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mỗi gia đình sẽ đưa cho bị cáo Châu Ngọc M số tiền 25.000.000 đồng (03 gia đình là 75.000.000 đồng). Sau đó, bị cáo Châu Ngọc M đem tờ giấy nêu trên cho bị cáo Nguyễn Văn U là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V xem và bị cáo Châu Ngọc M có hứa cho bị cáo Nguyễn Văn U mỗi hồ sơ là 15.000.000 đồng (03 hồ sơ tổng cộng là 45.000.000 đồng). Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn U hướng dẫn cho bị cáo Châu Ngọc M làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của gia đình các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T và Vương Thị Vũ TH. Bị cáo Nguyễn Văn U được giao nhiệm vụ kiểm tra thông tin trên bản quản lý và thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình của các bị cáo Vương Thị Vũ TH, Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T. Bị cáo Nguyễn Văn U phát hiện 03 thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T và Vương Thị Vũ TH là đất Hợp tác xã Muối-tôm-Artemia V. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn U vẫn tiến hành lập các thủ tục tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T và Vương Thị Vũ TH nêu trên. Cụ thể:

- Gia đình các bị cáo Trương K và Trần Thị KH: Thửa số 1024 diện tích 17.396,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15-6-2018.

- Gia đình bị cáo Vương Thị Vũ TH: Thửa số 1023 diện tích 20.113,1m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06-7-2018.

- Gia đình các bị cáo Trương N và Huỳnh Thị T: Thửa số 1022 diện tích 36.650,9m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23-7-2018.

Trong quá trình làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bị cáo Vương Thị Vũ TH, Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T đưa cho bị cáo Châu Ngọc M tổng số tiền 75.000.000 đồng (mỗi gia đình 25.000.000 đồng), bị cáo Châu Ngọc M đưa cho bị cáo Nguyễn Văn U 45.000.000 đồng, bị cáo M giữ lại 30.000.000 đồng.

Qua quá trình điều tra và thu thập chứng cứ, cơ quan điều tra đã chứng minh được 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình các bị cáo Vương Thị Vũ TH, Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T nêu trên là đất của Hợp tác xã Muối, tôm, Artemia V. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời là chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V, các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M, Vương Thị Vũ TH, Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 14-3-2022 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội “Nhận hối lộ”; Bị cáo Châu Ngọc M phạm tội “Môi giới hối lộ”; Các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T và Vương Thị Vũ TH phạm tội “Đưa hối lộ”;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn U.

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Châu Ngọc M.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Vương Thị Vũ TH, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 364; điểm i, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương K.

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21-8-2020 đến ngày 17-3-2021 và từ ngày 20-9-2021 đến ngày 11-01-2022.

- Xử phạt bị cáo Châu Ngọc M 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trương N 05 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và 01 (một) năm thử thách. Thời gian thử thách tính từ ngày 14-3-2022.

- Xử phạt bị cáo Vương Thị Vũ TH 05 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và 01 (một) năm thử thách. Thời gian thử thách tính từ ngày 14-3-2022.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T 05 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và 01 (một) năm thử thách. Thời gian thử thách tính từ ngày 14-3-2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị KH 05 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và 01 (một) năm thử thách. Thời gian thử thách tính từ ngày 14-3-2022.

- Xử phạt bị cáo Trương K 04 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và 01 (một) năm thử thách. Thời gian thử thách tính từ ngày 14-3-2022.

Giao cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Trương K, Vương Thị Vũ TH, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 85 của Luật thi hành án hình sự năm 2019 và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 28-3-2022, bị cáo Nguyễn Văn U kháng cáo xin giảm hình phạt.

* Ngày 23-3-2022, bị cáo Châu Ngọc M kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

* Ngày 29-3-2022, các bị cáo Trương K và Trần Thị KH kháng cáo kêu oan.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn U giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Bị cáo Châu Ngọc M giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

- Bị cáo Trương K giữ nguyên kháng cáo kêu oan.

- Bị cáo Trần Thị KH xin rút toàn bộ kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị KH. Căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận

kháng của các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M và Trương K giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 14-3-2022 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo Trần Thị KH và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo Khánh. Đối với bị cáo Trương K, cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tôi thống nhất không có ý kiến. Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Trương K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt các bị cáo có kháng cáo Trần Thị KH, Trương K; các bị cáo không có kháng cáo Trương N, Huỳnh Thị T, Vương Thị Vũ TH; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Thạch Trung T1, Kỷ Liêu Minh Q, Trần Hữu D, Nguyễn Vũ C, Phan Quốc K1, Nguyễn Văn L; Người làm chứng Võ Thanh U. Xét thấy, đối với các bị cáo Trần Thị KH, Trương K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các bị cáo không có kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng nêu trên đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nhưng sự vắng mặt của những người nói trên không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn U lập và nộp cho Tòa án nhân dân thị xã V cùng ngày 28-3-2022; đơn kháng cáo của bị cáo Châu Ngọc M lập ngày 21-3-2022 và nộp cho Tòa án nhân dân thị xã V vào ngày 23-3-2022 và đơn kháng cáo của các bị cáo Trương K, Trần Thị KH lập và nộp cho Tòa án nhân dân thị xã V cùng ngày 29-3-2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Thị KH rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị KH.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo U và bị cáo M đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Bị cáo Nguyễn Văn U là cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị cáo Nguyễn Văn U đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình thông qua trung gian là bị cáo Châu Ngọc M nhận hối

lộ 03 lần với tổng số tiền 45.000.000 đồng (mỗi lần nhận số tiền 15.000.000 đồng tại quán cà phê T đường 30/4, Khóm A, Phường A, thị xã V) để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các bị cáo Vương Thị Vũ TH, Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T không đúng quy định của pháp luật để hưởng lợi bất chính. Đối với bị cáo Châu Ngọc M, bị cáo M cấu kết với bị cáo Nguyễn Văn U, làm trung gian thỏa thuận nhận tiền của gia đình các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T và Vương Thị Vũ TH 03 lần với tổng số tiền 75.000.000 đồng (nhận tại nhà của các bị cáo Vương Thị Vũ TH, Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau đó, bị cáo Châu Ngọc M đưa cho bị cáo Nguyễn Văn U số tiền 45.000.000 đồng để yêu cầu bị cáo U làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các bị cáo Trương K, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T và Vương Thị Vũ TH và bị cáo M hưởng lợi bất chính với số tiền 30.000.000 đồng. Xét lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Văn U và Châu Ngọc M tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo Vương Thị Vũ TH, Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Châu Ngọc M phạm tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 365 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn U về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Văn U không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng cho bị cáo U các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính với số tiền 45.000.000 đồng; trong công tác luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, không bị xử lý kỷ luật; bị cáo có thân nhân được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba, Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo U mức án 07 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có căn cứ. Bởi vì, số tiền 45.000.000 đồng mà bị cáo đã giao nộp

lại là tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có nên được coi là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét bị cáo U kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được áp dụng mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Châu Ngọc M về việc xin giảm hình phạt và hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo Châu Ngọc M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng cho bị cáo M các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính với số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo M mức án 02 năm tù là có căn cứ và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Xét bị cáo M kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được áp dụng mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì xét thấy, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trương K: Trong quá trình điều tra bị cáo Trương K khai nhận *“Bị cáo Trương K thừa nhận gia đình 03 anh em của bị cáo có hứa hẹn và nhờ bị cáo Châu Ngọc M liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của gia đình thì sẽ đưa cho bị cáo Châu Ngọc M mỗi gia đình với số tiền 25.000.000 đồng. Còn việc bị cáo Châu Ngọc M lấy số tiền đó đưa cho ai thì bị cáo Trương K không biết. Khi bị cáo Châu Ngọc M làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bị cáo Trương K sẽ đưa tiền cho bị cáo M. Sau khi bị cáo M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình các bị cáo Trương K và Trần Thị KH đã đưa cho bị cáo M số tiền 25.000.000 đồng như đã hứa hẹn”*. Xét thấy, lời thừa nhận của bị cáo Trương K là phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần Thị KH, Trương N, Huỳnh Thị T, Vương Thị Vũ TH và bị cáo Châu Ngọc M. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trương K phạm tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và không oan cho bị cáo. Về hình phạt, khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét áp dụng cho bị cáo các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Sau khi phạm tội có thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự và có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật của còn hạn chế; bị cáo là người dân tộc Hoa và là người trên 70 tuổi theo quy định tại điểm i, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phạt bị cáo Trương K 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 01 năm thử thách là phù hợp. Do đó, kháng cáo kêu oan của bị cáo Trương K là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M và Trương K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị KH và Trương K là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b, điểm g khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được không chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M, Trương K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nhưng do bị cáo Trương K là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Trần Thị KH không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 342, Điều 348 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị KH.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn U, về việc xin giảm hình phạt; bị cáo Châu Ngọc M, về việc xin giảm hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Trương K về việc kêu oan.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M, Trương K của Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 14-3-2022 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn U.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 07 (bảy) năm tù về tội “Nhận hối lộ”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 21-8-2020 đến ngày 17-3-2021 và từ ngày 20-9-2021 đến ngày 11-01-2022.

3. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Châu Ngọc M.

- Xử phạt bị cáo Châu Ngọc M 02 (hai) năm tù về tội “Môi giới hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 364; điểm i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương K.

Tuyên bố bị cáo Trương K phạm tội “Đưa hối lộ”.

Xử phạt bị cáo Trương K 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 01 (một) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày 14-3-2022.

Giao bị cáo Trương K cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trương K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trương K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b, điểm g khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được không chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn U, Châu Ngọc M, Trương K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nhưng do bị cáo Trương K là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Trần Thị KH không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn U và Châu Ngọc M mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trần Thị KH không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

- Bị cáo Trương K được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã V (02);
- VKSND thị xã V (01);
- CQĐT-Công an thị xã V (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã V (01);
- Chi cục THADS thị xã V (01);
- Bị cáo (04);
- Người bào chữa (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hữu